UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG MN HÀ CẦU	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65a/KH-MNHC	

Hà Đông, ngày 15 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thu chi các khoản dịch vụ thực hiện trong năm học 2025-2026

I. CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO:

- Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Căn cứ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn chi tiêu nội bộ phục vụ cho hoạt động phát triển sự nghiệp giáo dục của trường mầm non Hà Cầu năm học 2025-2026.

II. MỤC ĐÍCH:

- Thực hiện công tác thu chi đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

- Không để xảy ra tình trạng thiếu dân chủ trong hoạt động thu chi các khoản thu của nhà trường.

- 100% các khoản thu của nhà trường đều được mở sổ theo dõi đúng với quy định của luật tài chính kế toán.

- Các khoản chi tiêu phải được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và Nghị quyết của Ban đại diện CMHS.

III. YÊU CẦU:

- Thu đúng các khoản thu theo quy định hiện hành, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm tính tự nguyện cao của CMHS.

IV. NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU:

*** Các khoản thu theo quy định:**

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Theo Điều 2 của Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025, trẻ em mầm non là đối tượng được miễn học phí từ năm học 2025-2026.

*** Các khoản thu dịch vụ theo Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND:**

1. Dịch vụ tiền ăn bán trú học sinh: 35.000 đồng/trẻ/ngày

2. Dịch vụ tiền ăn sáng học sinh: 12.000 đồng/trẻ/ngày

3. Dịch vụ chăm sóc bán trú: 235.000 đồng/trẻ/tháng

4. Dịch vụ nước uống học sinh: 12.000 đồng/trẻ/tháng

5. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú: 200.000 đồng/trẻ/năm học

6. Dịch vụ hoạt động giáo dục học thêm thứ 7: 85.000 đồng/trẻ/ngày (Thu theo số ngày thực học của học sinh)

7. Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng ngoài giờ phục vụ ăn sáng: 5.000 đồng/trẻ/ngày (Thu theo số ngày thực học của học sinh)

*** Các khoản thu tự nguyện:**

1. Hoạt động Làm quen với tiếng Anh: 450.000 đồng/trẻ/tháng

2. Hoạt động Gymkid: 180.000 đồng/trẻ/tháng

3. Hoạt động Sáng tạo nghệ thuật: 150.000 đồng/trẻ/tháng

4. Hoạt động Toán tư duy: 180.000 đồng/trẻ/tháng

5. Hoạt động Múa: 150.000 đồng/trẻ/tháng

6. Hoạt động Kỹ năng sống: 150.000 đồng/trẻ/tháng

V. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Xây dựng kế hoạch thu chi các khoản dịch vụ thực hiện trong năm học 2025-2026.

- Trình tờ trình đề nghị xét duyệt các khoản thu năm học 2025-2026 với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường.

- Thống nhất kế hoạch trong Chi bộ - Ban trung tâm nhà trường.

- Thảo luận kế hoạch thu chi trong Hội đồng sư phạm.

- Thảo luận kế hoạch thu chi trong Ban đại diện CMHS và trong Hội nghị toàn thể CMHS nhà trường.

- Thống nhất kế hoạch và thông báo triển khai thực hiện.

- Giám sát việc thực hiện và nắm bắt tình hình thực hiện của CMHS.

VI. THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ:

1. Học phí

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Theo Điều 2 của Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025, trẻ em mầm non là đối tượng được miễn học phí từ năm học 2025-2026.

2. Dịch vụ tiền ăn bán trú học sinh

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường

Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

Dự kiến phần chi hằng ngày

TT	Nội dung	ĐVT	Gạo tẻ	Chi thực phẩm	Chi hoa quả	Sữa bột	Tổng	Chất đốt	Thuế TNDN 2%
I	Mẫu giáo	Đồng	2.400	21.300	3.200	5.900	32.800	1.500	700
	Tỉ lệ	%	6%	64%	9%	15%	94%	4%	2%
II	Nhà trẻ	Đồng	2.400	21.300	3.200	5.900	32.800	1.500	700
	Tỉ lệ	%	6%	64%	9%	15%	94%	4%	2%
Thịt lợn: 30-40g, Thịt bò: 25-30g, Thịt gà: 30-35g, Cá: 30-35g, Tôm: 15-20g, Cua: 7-10g, Trứng: 30-40g									

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức thu/HS/ngày	Số phiếu thu trong tháng	Số tiền thu/HS/ tháng	Cân đối thu	Cân đối chi	Tiền thừa thiếu
1	Mức ăn trong ngày	Đồng	35.000	22	770.000	770.000	770.000	0
Cộng thu			35.000	22	770.000	770.000	770.000	

3. Dịch vụ tiền ăn sáng học sinh

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

Dự kiến phần chi hằng ngày

TT	Nội dung	ĐVT	Chi thực phẩm	Sữa và các chế phẩm từ sữa	Tổng	Chất đốt	Thuế TNDN 2%
I	Mẫu giáo	Đồng	6.060	5.000	11.060	700	240
	Tỉ lệ	%	51%	42%	93%	5%	2%
II	Nhà trẻ	Đồng	6.060	5.000	11.060	700	240
	Tỉ lệ	%	51%	42%	93%	5%	2%

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức thu/HS/ngày	Số phiếu thu trong tháng	Số tiền thu/HS/ tháng	Cân đối thu	Cân đối chi	Tiền thừa thiếu
1	Mức ăn trong ngày	Đồng	12.000	22	264.000	264.000	264.000	0
Cộng thu			12.000	22	264.000	264.000	264.000	

4. Dịch vụ chăm sóc bán trú

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Trích thuế TNDN	2%	1.974.000	

2	Chi tiền công cho CBGVNV phục vụ công tác chăm sóc bán trú	98%	96.726.000	
Tổng cộng			**98.700.000**	

STT	Nội dung chi	Hệ số	Số ngày công	Số tiền 1 công/tháng	Số tiền lương/tháng	Ghi chú
1	Chi lương Hiệu trưởng	1.8	22	111.300	4.413.780	
2	Chi lương Phó hiệu trưởng, Kế toán (Tổng 3 người)	1.5	66	111.300	11.018.700	
3	Chi lương Thủ quỹ, Thủ kho (Tổng 2 người)	1,1	44	111.300	5.386.920	
4	Chi lương Giáo viên, nhân viên (Tổng 31 người)	1.0	682	111.300	75.906.600	
Tổng cộng			**814**		**96.726.000**	

Dự kiến phần thu

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Mức thu/HS	Số tiền thu HS/tháng	Ghi chú
1	Tổng thu	HS	420	235.000	98.700.000	
Tổng cộng			**420**	**235.000**	**98.700.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 98.700.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 98.700.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng (Thu đủ chi)

5. Dịch vụ nước uống học sinh (Hãng nước: Công ty Nước sạch Hadowa)

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

Dự kiến phần chi

Bình quân 1 hs uống 0,275 lít/ngày x 22 ngày = 6 lít/tháng (1 bình = 20L)

1 học sinh uống 6L/20L = 0,3 bình/tháng * 40.000 đồng/bình = 12.000 đồng. Tiền nước uống của 1 học sinh là: 12.000 đồng/tháng.

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung	Tổng số học sinh	Mức thu/HS/tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	Tổng số HS	420	12.000	5.040.000	
Cộng		**420**	**12.000**	**5.040.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: **5.040.000 đồng/tháng**

Dự kiến số thu được: **5.040.000 đồng/tháng**

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

6. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Chi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ bán trú theo thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi	Ghi chú

1	Trích thuế TNDN	2%	1.680.000	
2	Chi tiền đồ dùng, trang thiết bị phục vụ bán trú	98%	82.320.000	
Tổng cộng			**84.000.000**	

TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Khăn mặt ký hiệu	Cái	840	5.000	4.200.000	
2	Khăn lau tay	Cái	240	13.500	3.240.000	
3	Khăn vàng	Cái	420	4.500	1.890.000	
4	Cốc uống nước	Cái	125	5.000	625.000	
5	Bát inox	Cái	250	8.000	2.000.000	
6	Thìa inox	Cái	268	5.000	1.340.000	
7	Bát to inox	Cái	150	12.000	1.800.000	
8	Khay inox	Cái	22	25.000	550.000	
9	Đĩa inox	Cái	55	25.000	1.375.000	
10	Chăn hè	Cái	101	180.000	18.180.000	
11	Chăn đông	Cái	60	310.000	18.600.000	
12	Màn	Cái	12	400.000	4.800.000	
13	Gối	Cái	420	15.000	6.300.000	
14	Đệm	Cái	35	400.000	14.000.000	
15	Chiếu	Cái	95	36.000	3.420.000	
Tổng cộng					**84.000.000**	

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức thu/HS/năm	Thành tiền	Ghi chú
1	Tổng tiền sử dụng phục vụ bán trú	Đồng/năm học	420	200.000	**84.000.000**	

Dự kiến số tiền cần chi là: **84.000.000 đồng**

Dự kiến số tiền thu được là: **84.000.000 đồng**

Cân đối thừa thiếu: **0 đồng**

7. Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ phục vụ ăn sáng (Thu theo số ngày thực học của học sinh)

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành

phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Trích thuế TNDN	2%	330.000	
2	Chi cơ sở vật chất (Chi tiền đồ dùng vệ sinh, tăng cường, hỗ trợ mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất và các nội dung chi khác phục vụ cho hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng ngoài giờ chính khóa phục vụ ăn sáng)	23%	3.795.000	
3	Chi quản lý công tác chăm sóc nuôi dưỡng phục vụ ăn sáng	5%	825.000	
4	Chi tiền công giáo viên trực tiếp phục vụ công tác phục vụ ăn sáng	35%	5.775.000	
5	Chi tiền công nhân viên trực tiếp nấu ăn phục vụ ăn sáng	35%	5.775.000	
Tổng cộng			**16.500.000**	

Dự kiến phần thu

Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số ngày/tháng	Định mức thu/ngày	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
Số học sinh	HS	150	22	5.000	16.500.000	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: **16.500.000 đồng/tháng**

Dự kiến số thu được: **16.500.000 đồng/tháng**

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

8. Dịch vụ hoạt động giáo dục học thêm thứ 7 (Thu theo số ngày thực học của học sinh)

- Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

- Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố hết hiệu lực các Điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy đinh về dạy thêm, học thêm;

- Căn cứ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Trích thuế TNDN	2%	612.000	
2	Chi cơ sở vật chất (Chi mua sắm văn phòng phẩm, đồ dùng dạy học, tiền điện, tiền nước, tiền đồ dùng vệ sinh, tăng cường, hỗ trợ mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất và các nội	25%	7.650.000	

	dung chi khác phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa)			
3	Chi tiền công CBGVNV phục vụ công tác học thêm thứ 7	73%	22.338.000	
Tổng cộng			**30.600.000**	

Dự kiến phần thu

Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số ngày/tháng	Định mức thu/ngày	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
Số học sinh	HS	90	4	85.000	30.600.000	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: **30.600.000 đồng/tháng**

Dự kiến số thu được: **30.600.000 đồng/tháng**

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

9. Dịch vụ hoạt động ngoại khóa

- Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Căn cứ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo;

- Căn cứ Công văn số 3375/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2025 của Sở Giáo dục về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3465/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc thực hiện hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3471/SGDĐT-GDMN ngày 03/09/2025 về việc hướng dẫn quy chế chuyên môn cấp học mầm non thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Công văn số 413/KTHTĐT ngày 12/09/2025 của UBND phường Hà Đông về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026;

a. Hoạt động làm quen với tiếng Anh

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Chi trả giáo viên giảng dạy	80%	36.000.000	
2	Phần trích lại cho nhà trường	20%	9.000.000	

2.1	Chi trả giáo viên đứng lớp	50%	4.500.000	
2.2	Nộp thuế dịch vụ	2%	90.000	
2.3	Chi trả quản lý tiếng anh	25%	2.250.000	
2.4	Chi trả cơ sở vật chất	23%	2.160.000	
Tổng cộng			**45.000.000**	

Dự kiến phần thu

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức thu/HS	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
1	Làm quen với tiếng Anh	Học sinh	100	450.000	45.000.000	
	Tổng cộng		**100**	**450.000**	**45.000.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 45.000.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 45.000.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

b. Hoạt động Sáng tạo nghệ thuật

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Chi trả giáo viên giảng dạy	80%	6.000.000	
2	Phần trích lại cho nhà trường	20%	1.500.000	
2.1	Chi trả giáo viên đứng lớp	50%	750.000	
2.2	Nộp thuế dịch vụ	2%	30.000	
2.3	Chi trả quản lý năng khiếu	25%	375.000	
2.4	Chi trả cơ sở vật chất	23%	345.000	
Tổng cộng			**7.500.000**	

Dự kiến phần chi

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức thu/HS	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
1	Sáng tạo nghệ thuật	Trẻ	50	150.000	7.500.000	
	Tổng cộng		**50**		**7.500.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 7.500.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 7.500.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

c. Hoạt động Toán tư duy

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Chi trả giáo viên giảng dạy	80%	14.400.000	
2	Phần trích lại cho nhà trường	20%	3.600.000	
2.1	Chi trả giáo viên đứng lớp	50%	1.800.000	
2.2	Nộp thuế dịch vụ	2%	36.000	
2.3	Chi trả quản lý năng khiếu	25%	900.000	
2.4	Chi trả cơ sở vật chất	23%	864.000	
Tổng cộng			**18.000.000**	

Dự kiến phần thu

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức thu/HS	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
1	Toán tư duy	Trẻ	100	180.000	18.000.000	
	Tổng cộng		**100**		**18.000.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 18.000.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 18.000.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

d. Hoạt động Kỹ năng sống

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Chi trả giáo viên giảng dạy	80%	6.000.000	
2	Phần trích lại cho nhà trường	20%	1.500.000	
2.1	Chi trả giáo viên đứng lớp	50%	750.000	
2.2	Nộp thuế dịch vụ	2%	30.000	
2.3	Chi trả quản lý năng khiếu	25%	375.000	
2.4	Chi trả cơ sở vật chất	23%	345.000	
Tổng cộng			**7.500.000**	

Dự kiến phần chi

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức thu/HS	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
1	Kỹ năng sống	Trẻ	50	150.000	7.500.000	
	Tổng cộng		**50**		**7.500.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 7.500.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 7.500.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

e. Hoạt động Múa

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Chi trả giáo viên giảng dạy	80%	6.000.000	
2	Phần trích lại cho nhà trường	20%	1.500.000	
2.1	Chi trả giáo viên đứng lớp	50%	750.000	
2.2	Nộp thuế dịch vụ	2%	30.000	
2.3	Chi trả quản lý năng khiếu	25%	375.000	
2.4	Chi trả cơ sở vật chất	23%	345.000	
Tổng cộng			**7.500.000**	

Dự kiến phần chi

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức thu/HS	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
1	Múa	Trẻ	50	150.000	7.500.000	
	Tổng cộng		**50**		**7.500.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 7.500.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 7.500.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

g. Hoạt động Võ thuật

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỉ lệ %	Số tiền chi 1 tháng	Ghi chú
1	Chi trả giáo viên giảng dạy	80%	16.000.000	

2	Phần trích lại cho nhà trường	20%	4.000.000	
2.1	Chi trả giáo viên đứng lớp	50%	2.000.000	
2.2	Nộp thuế dịch vụ	2%	80.000	
2.3	Chi trả quản lý năng khiếu	25%	1.000.000	
2.4	Chi trả cơ sở vật chất	23%	960.000	
Tổng cộng			**20.000.000**	

Dự kiến phần thu

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức thu/HS	Tổng thu trong tháng	Ghi chú
1	Võ	Trẻ	80	250.000	20.000.000	
	Tổng cộng		**80**		**20.000.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 20.000.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 20.000.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

10. Tiền bảo hiểm thân thể

- Căn cứ Văn bản thỏa thuận thu hộ tiền bảo hiểm thân thể giữa trường Mầm non Hà Cầu và Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh ngày 15 tháng 09 năm 2025.

Dự kiến phần thu

STT	Nội dung	Tổng số học sinh	Mức thu/HS/năm	Thành tiền	Ghi chú
1	Mẫu giáo + Nhà trẻ	300	200.000	60.000.000	
	Cộng			**60.000.000**	

Dự kiến phần chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi theo tỷ lệ %	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi trả Công ty Bảo hiểm Bảo Minh	150	30.000.000	
2	Chi trả Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	150	30.000.000	
Tổng cộng			**60.000.000**	

Cân đối thu chi

Dự kiến số tiền cần chi: 60.000.000 đồng/tháng

Dự kiến số thu được: 60.000.000 đồng/tháng

Cân đối thừa thiếu: 0 đồng

Trên đây là kế hoạch thu chi các khoản thu dịch vụ thực hiện trong năm học 2025-2026 đã được thống nhất trong Hội đồng sư phạm; Chi bộ; CMHS nhà trường của trường Mầm non Hà Cầu.

Nơi nhận:
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (để báo cáo);
- CB, GV, NV (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG MẦM NON HÀ CẦU

Trần Thị Thanh Nhàn